

**HỢP TÁC XÃ
NÔNG NGHIỆP ĐỨC NHUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 04/BC-HTX

Long Phụng, ngày 10 tháng 02 năm 2026.

Kính gửi : UBND xã Long Phụng;
Phòng Kinh tế xã Long Phụng.

BÁO CÁO

Thực hiện theo công văn số 74/SNNMT-PTNT ngày 22/1/2026 về việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

Thực hiện theo chỉ đạo của UBND xã Long Phụng ;

Ban giám đốc HTX NN Đức Nhuận báo cáo về thông tin hoạt động của HTX (kèm theo phụ lục 02).

Riêng hệ thống bơm 33 của trạm bơm bờ tân và nhà vận hành bơm được xây dựng kiên cố chưa có giá trị trong tài sản cố định của HTX.

HTX tự chấm điểm đánh giá xếp loại định kỳ năm 2025: Loại Khá (kèm theo phụ lục 03)

Trên đây là báo cáo của HTX NN Đức Nhuận!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

TM. BAN GIÁM ĐỐC



Trần Thị Linh

PHỤ LỤC 3

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Tên hợp tác xã: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP ĐỨC NHUẬN

Địa chỉ: Thôn 2, xã Long Phụng, Quảng Ngãi

Phân loại theo lĩnh vực hoạt động: Hợp tác xã nông nghiệp

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Kết quả tự đánh giá của Hội đồng quản trị: Hợp tác xã tự nhận đạt loại : Khá

Số TT	Tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Điểm hợp tác xã tự chấm	Diễn giải
1	Doanh thu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã			
a	Tỷ lệ doanh thu thực hiện/doanh thu kế hoạch	8	6	
b	Tổng doanh thu năm của hợp tác xã	10	6	
c	Thu nhập sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính bình quân đầu thành viên hợp tác xã (Thu nhập năm sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính /thành viên)	10	2	
d	Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập	5	5	
đ	Trích quỹ dự phòng tài chính (hoặc quỹ rủi ro) không thấp hơn 5% trên thu nhập	5	0	
2	Lợi ích của các thành viên hợp tác xã			
a	Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không là thành viên	8	8	
b	Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã	8	8	
3	Vốn hoạt động của hợp tác xã			
a	Tỷ lệ tăng vốn góp và huy động từ thành viên hợp tác xã (%) = (vốn góp và huy động từ TV năm nay – vốn góp và huy động từ TV năm trước)/ vốn góp và huy động từ TV năm trước (trường hợp năm trước không có, năm nay có góp và huy động thì tính tỷ lệ là 100%)	7	3	

Số TT	Tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá	Thang điểm tối đa	Điểm hợp tác xã tự chấm	Diễn giải
b	Vốn hoạt động của hợp tác xã (bao gồm toàn bộ vốn góp của thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của nhà nước, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác)	10	7	
4	Quy mô thành viên hợp tác xã ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng	8	8	
5	Hợp tác xã được khen thưởng trong năm	6	3	Liên minh HTX tỉnh
6	Mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã	15	15	
	Tổng điểm	100	71	

Ghi chú:

- Hợp tác xã căn cứ vào Điều 3 Thông tư này tự phân loại lĩnh vực của hợp tác xã đang hoạt động và ghi vào dòng "Phân loại theo lĩnh vực hoạt động".
- Hợp tác xã ghi số điểm đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu tại cột "Điểm hợp tác xã tự chấm" và ghi cụ thể nội dung tại cột diễn giải.

BAN KIỂM SOÁT KIỂM TRA

Chauk
Chấn Văn Chanh

Đức Nhuận ngày 10 tháng 02 năm 2026
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HỢP TÁC XÃ



Đức Nhuận
Đức Linh

PHỤ LỤC 2
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP NĂM 2025

(Kèm theo báo cáo số: 04/BC-HTX ngày 10/02/2026 của
HTX NN Đức Nhuận)

Ngày cung cấp thông tin: 10/02/2026

Họ tên Chủ tịch HĐQT quản trị HTX: TRẦN THỊ LINH

Số điện thoại của Chủ tịch HĐQT quản trị HTX: 0384748761

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên HTX: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP ĐỨC NHUẬN

2. Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

4	3	0	0	8	9	1	1	8	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

3. Địa chỉ trụ sở chính của HTX

3.1. Thôn/ấp/bản: Thôn 2

3.2. Xã/phường/đặc khu: Xã Long Phụng

3.3. Tỉnh: Quảng Ngãi

4. Năm thành lập của HTX: Hợp nhất năm 2023

5. Địa bàn của HTX

1. Đồng bằng

☒

3. Miền núi cao

☐

2. Trung du, miền núi thấp

☐

4. Ven biển, hải đảo

☐

6. Vốn điều lệ theo giấy phép kinh doanh : 761.294.950 đồng

7. Ngành nghề đăng ký (ngành chính, ghi mã ngành tới 4 số) : 01610

8. Lĩnh vực hoạt động chính của HTX (tính theo doanh thu bán hàng và dịch vụ hàng năm):

8.1. Trồng trọt

☒

8.5. Khai thác thủy sản

☐

8.2. Chăn nuôi

☐

8.6. Diêm nghiệp

☐

8.3. Lâm nghiệp

☐

8.7. Nước sạch

☐

8.4. Nuôi trồng thủy sản

☐

8.8. Dịch vụ NN tổng hợp

☒

9. Doanh thu từ bán hàng và dịch vụ PHI nông nghiệp chiếm bao nhiêu % trong tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ của HTX trong 1 năm (nếu HTX không có doanh thu phi nông nghiệp thì ghi 0):

10. Thành viên của HTX nằm trên địa bàn nào (đánh dấu 1 câu trả lời duy nhất phù hợp)

1. Trong phạm vi 01 thôn/ấp/bản của 1 xã;

2. Trong phạm vi nhiều thôn/ấp/bản của 1 xã; ☒

3. Trong phạm vi nhiều xã;

4. Trong phạm vi nhiều tỉnh.

11. Sản phẩm nông nghiệp chính (cây, con) của HTX (chọn 1 cây hoặc 1 con duy nhất, ví dụ như xoài): Lúa

11a. Sản phẩm chính thuộc nhóm sản phẩm nào sau đây (đánh dấu vào 1 nhóm phù hợp)

1. Lúa gạo ☒	8. Cây ăn quả/trái cây ☐	15. Tôm ☐
2. Cà phê ☐	9. Cây NN ngắn ngày ☐	16. Thủy sản khác ☐
3. Điều ☐	10. Cây CN dài ngày khác ☐	17. Dược liệu ☐
4. Chè ☐	11. Cây trồng khác ☐	18. Gỗ và lâm sản khác ☐
5. Rau ☐	12. Lợn ☐	19. Diêm nghiệp ☐
6. Điều ☐	13. Gia cầm ☐	
7. Rau ☐	14. Vật nuôi khác ☐	

12. Hợp tác xã có trang web không?

1. Có ☐ 2. Không ☒

B. THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

- Thông tin về thành viên và lao động ước tính đến thời điểm 31/12/2025

#	Thông tin thu thập	Đơn vị tính	Số lượng
1	Số lượng thành viên HTX	Thành viên	2.745
-	Số lượng thành viên chính thức	Thành viên	2.745
-	Số lượng thành viên liên kết góp vốn	Thành viên	
-	Số lượng thành viên liên kết không góp vốn chỉ sử dụng dịch vụ	Thành viên	
2	Số lượng thành viên kết nạp mới trong năm 2025	Thành viên	
3	HTX có bao nhiêu doanh nghiệp là thành viên	Số DN	
4	Số thành viên đã góp vốn điều lệ	Thành viên	2.745
5	Mức vốn góp thấp nhất/thành viên	Triệu đồng	0,013
6	Mức góp vốn cao nhất của thành viên	Triệu đồng	1,688
7	Tổng tỉ lệ vốn điều lệ đóng góp bởi tất cả cán bộ quản lý, điều hành (HĐQT, Giám đốc, Phó GD, Ban kiểm soát/kiểm soát viên)	%	
8	Số lượng thành viên sử dụng dịch vụ của HTX trong năm 2025	Thành viên	2.745
9	Tổng số lao động thường xuyên và có hợp đồng của HTX năm 2025	Người	7
10	Trong đó, số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	7
11	Số lao động thời vụ HTX thuê mướn (tính tại thời điểm	Người	26

#	Thông tin thu thập	Đơn vị tính	Số lượng
	HTX thuê số người nhiều nhất)		
12	Số cán bộ quản lý điều hành, kiểm soát của HTX được mua bảo hiểm	Người	2
13	Số lao động thường xuyên của HTX được mua bảo hiểm (bao gồm cả kế toán, thủ quỹ, cán bộ kỹ thuật)	Người	1

C. TỔ CHỨC HỢP TÁC XÃ VÀ NĂNG LỰC CÁN BỘ HTX

C1. Tổ chức hợp tác xã

- Số lượng thành viên hội đồng quản trị: 3 người
- Số lượng thành viên Ban giám đốc (Giám đốc và phó GD) là: 3 người
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 3 người
- Trong tổng số thành viên hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát có bao nhiêu người là Nữ: 1 người
- Số lượng cán bộ kế toán, thủ quỹ: 2 người
- Số lượng cán bộ kỹ thuật chuyên môn của HTX: 01 người
- Giám đốc là thành viên HTX hay thuê bên ngoài: 1. Thành viên HTX ☒ 2. Thuê bên ngoài ☐
- HTX có người của doanh nghiệp (doanh nghiệp là thành viên HTX hoặc liên kết với HTX) tham gia quản lý điều hành HTX không? 1. Có 2. Không ☒
- HTX có góp vốn vào doanh nghiệp không? 1. Có 2. Không ☒
- Nếu có góp vốn vào doanh nghiệp thì tổng số vốn là HTX góp vào doanh nghiệp là bao nhiêu:.....triệu đồng
- HTX có mua cổ phần của doanh nghiệp không? 1. Có 2. Không ☒
- Nếu có mua cổ phần của doanh nghiệp thì tổng giá trị mà HTX mua là bao nhiêu:.....triệu đồng
- HTX có thành lập doanh nghiệp trực thuộc không? 1. Có 2. Không ☒
- HTX có là thành viên của HTX khác không? 1. Có 2. Không ☒
- HTX có là thành viên của một liên hiệp hợp tác xã không? 1. Có 2. Không ☒

C2. Năng lực cán bộ HTX

- Số lượng cán bộ quản lý, điều hành, kiểm soát và kế toán HTX ước tính đến thời điểm 31/12/2025 phân theo trình độ chuyên môn

#	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp nghề	Trung cấp, cao đẳng	Đại học trở lên
1	Số thành viên hội đồng quản trị phân theo trình độ chuyên môn	Người			2	1
2	Số cán bộ của Ban Giám đốc (Giám đốc và các Phó giám đốc) phân theo trình độ chuyên môn	Người			2	1

3	Số thành viên Ban kiểm soát phân theo trình độ chuyên môn	Người	2			1
4	Số cán bộ kế toán, thủ quỹ của HTX phân theo trình độ chuyên môn	Người			2	
5	Số cán bộ kỹ thuật của HTX phân theo trình độ chuyên môn	Người			1	

2. Trình độ chuyên môn, giới tính, tuổi, số năm kinh nghiệm của người đứng đầu các bộ phận của HTX

#	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn 1. Chưa qua đào tạo 2. Sơ cấp nghề 3. Trung cấp, cao đẳng 4. Đại học trở lên	Giới tính 1. Nam 2. Nữ	Năm sinh	Số năm kinh nghiệm làm việc với hợp tác xã	Đã được đào tạo nghề quản lý HTX 1. Có 2. Chưa
6	Chủ tịch hội đồng quản trị	3	2	1965	40	1
7	Giám đốc HTX (Không khai nếu Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc)					
8	Trưởng Ban kiểm soát /Kiểm soát viên	1	1	1956	16	1
9	Kế toán trưởng	3	2	1982	17	1

10. HTX được nhà nước hỗ trợ bao nhiêu cán bộ (nếu không thì ghi 0): 0

(cán bộ được nhà nước cử về HTX làm việc hoặc được nhà nước hỗ trợ một phần tiền lương)

D. NGUỒN LỰC CỦA HỢP TÁC XÃ

D1. Quy mô đất đai của HTX

#	Thông tin thu thập	ĐVT	Diện tích chung của HTX	Diện tích của tất cả thành viên HTX
			a	b
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp của HTX (đất trồng trọt, chăn nuôi)	ha	0,3974,4	713,13
2	Tổng diện tích đất lâm nghiệp chung của HTX (rừng trồng, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng)	ha		

3	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản chung của HTX	ha		
4	Tổng diện tích đất làm muối chung của HTX	ha		

(Ghi chú: Diện tích chung của HTX là phần diện tích hợp tác xã được giao, thuê mượn, nhận chuyển nhượng)

D2. Vốn, tài sản của HTX

#	Thông tin thu thập	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vốn điều lệ của HTX mà các thành viên đã đóng góp đến 31/12/2025	Triệu đồng	895,39
2	Tổng giá trị tài sản không chia của HTX đến 31/12/2025	Triệu đồng	1.093,95
3	Tổng giá trị vốn, tài sản của HTX tại 31/12/2025	Triệu đồng	4.526,82
	a) Trong đó: Tổng vốn chủ sở hữu của HTX	Triệu đồng	4.500,71
	b) Tổng số tiền HTX đang nợ (gồm nợ ngân hàng, các quỹ, vay nợ thành viên, cá nhân, nợ các đối tác,...)	Triệu đồng	26,11
	b1) Số tiền HTX đang nợ các ngân hàng, quỹ tín dụng, quỹ phát triển HTX	Triệu đồng	
	b2) Số tiền HTX huy động (vay) của thành viên, cá nhân	Triệu đồng	
	b3) Nợ phải trả các đối tác của HTX (nợ mua hàng hóa, mua dịch vụ, máy móc, đầu tư ứng trước,...)	Triệu đồng	26,11
4	Trong tổng số tiền nợ của HTX tại thời điểm 31/12/2025 thì số tiền nợ phải trả trong vòng 12 tháng (tính từ ngày 1/1/2025) là bao nhiêu?	Triệu đồng	11,8

E. HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

E1. Hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ của HTX

Trong năm 2025, HTX cung cấp sản phẩm, dịch vụ nào cho thành viên và bên ngoài và hoạt động HTX tổ chức thực hiện

#	Thông tin thu thập	Cung cấp cho thành viên 1. Có 2. Không	Cung cấp ra bên ngoài (không phải TV) 1. Có 2. Không
10	Cung cấp vật tư		
11	Cung cấp cây giống, con giống, tinh giống, trứng	2	2

#	Thông tin thu thập	Cung cấp cho thành viên 1. Có 2. Không	Cung cấp ra bên ngoài (không phải TV) 1. Có 2. Không
	giống (cá, gia cầm,...)		
12	Cung cấp phân bón các loại	1	1
13	Cung cấp hóa chất bảo vệ thực vật	2	2
14	Cung cấp thức ăn chăn nuôi và thủy sản	2	2
14	Cung cấp thuốc thú y	2	2
16	Vật tư khác	2	2
20	Cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp		
21	Chuẩn bị đất (cày bừa, làm phẳng, đánh luống,..)	1	1
22	Chuẩn bị ao nuôi (khử trùng, nạo vét,...)	2	2
23	Gieo sạ, trồng cây	2	2
24	Phun thuốc bảo vệ thực vật	2	2
25	Thú y (bao gồm cả thú tinh nhân tạo)	2	2
26	Bón phân	2	2
27	Thủy nông	1	1
28	Cắt tỉa, chăm sóc cây trồng	2	2
29	Thu hoạch	1	1
30	Vận chuyển sản phẩm	2	2
31	Dịch vụ khác phục vụ sản xuất	1	1
40	Sơ chế (làm sạch, phân loại, đóng bao sản phẩm)	2	2
50	Chế biến nông sản	2	2
60	Thương mại nông sản	2	2
70	Dịch vụ tín dụng nội bộ	2	2
80	Dịch vụ nông thôn		
81	Cung cấp nước sạch	2	2
82	Điện nông thôn	2	2

#	Thông tin thu thập	Cung cấp cho thành viên 1. Có 2. Không	Cung cấp ra bên ngoài (không phải TV) 1. Có 2. Không
83	Quản lý chợ, trung tâm thương mại	2	2
84	Vệ sinh môi trường nông thôn	2	2
85	Du lịch nông nghiệp, nông thôn	2	2
86	Quản lý công trình giao thông, thủy lợi	1	1
87	Dịch vụ nông thôn khác (ghi rõ): Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất hàng vụ cho thành viên.	1	1

E2. Hoạt động đặc thù của hợp tác xã

1. Năm 2025, HTX có áp dụng tiêu chuẩn chứng nhận, gọi chung là GAP (VietGAP, Hữu cơ, UTZ, 4C, Fairtrade, GlobalGAP, Alliance forest, ASC, BAP, SRP,...) cho thành viên không?

1. Có

2. Không ☒

2. Nếu có áp dụng GAP thì là những GAP nào sau đây (đánh dấu vào những GAP có áp dụng năm 2025).

1. VietGAP ☐	8. ASC ☐
2. GlobalGAP ☐	9. MSC ☐
3. Hữu cơ ☐	10. BAP ☐
4. UTZ ☐	11. MSC ☐
5. Tiêu chuẩn 4C ☐	12. SRP sản xuất lúa ☐
6. FairTrade ☐	13. ☐
7. Alliance forest ☐	14. ☐

3. Nếu có áp dụng GAP thì áp dụng cho sản phẩm nào (chọn 1 câu trả lời)

1. Chỉ áp dụng cho sản phẩm chính của HTX

2. Chỉ áp dụng cho sản phẩm khác ngoài sản phẩm chính của HTX

3. Áp dụng cho cả sản phẩm chính và sản phẩm khác

4. HTX đã áp dụng GAP trong bao nhiêu năm:.....

5. Năm 2025, có bao nhiêu thành viên HTX áp dụng các tiêu chuẩn GAP:.....

6. Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp (tính theo giá trị) của HTX áp dụng GAP năm 2025:.....%

7. Ngoài các tiêu chuẩn GAP, HTX có áp dụng quy trình hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, thông minh với BĐKH không (ví dụ như 3G3T, 1 phải 5 giảm, IPM, luân canh lúa – cá, nuôi trồng sinh thái, v.v....)

1. Có ☒ 2. Không ☐

(nếu có ghi rõ quy trình/mô hình: Mô hình IPM)

8. Năm 2025, HTX có áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông lâm thủy sản không? (công nghệ cao ở đây không tính các tiêu chuẩn GAP đã nêu ở trên)

1. Có ☒ 2. Không ☐

9. Nếu có, ghi rõ tên các công nghệ cao HTX đã áp dụng:

1. Máy bay không người lái (drone)

2.....

3.....

4.....

10. Các công nghệ cao HTX áp dụng thuộc nhóm nào (đánh dấu vào ô thích hợp)?

1. ☐ Công nghệ sinh học trong nông nghiệp

2. ☐ Kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản

3. ☒ Công nghệ tự động hóa

4. ☐ Công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp

5. ☐ Công nghệ số, tin học

11. Năm 2025, có bao nhiêu thành viên HTX áp dụng công nghệ cao: 40 thành viên

12. Năm 2025, tỉ lệ sản phẩm sản phẩm (theo giá trị) của HTX được ứng dụng công nghệ cao:.....%

13. Năm 2025, HTX sản phẩm nào sử dụng “Chỉ dẫn địa lý” không? 1. Có 2. Không ☒

14. Năm 2025, HTX có sản phẩm nào có nhãn hiệu tập thể không? 1. Có 2. Không ☒

15. Năm 2025, HTX có sản phẩm nào có nhãn hiệu chứng nhận không? 1. Có 2. Không ☒

16. Năm 2025, HTX được cấp bao nhiêu chứng nhận SP OCOP (nếu không có thì ghi 0): 0

17. Nếu có sản phẩm OCOP, thì số sao cao nhất là:.....

18. Năm 2025, HTX đã có nhãn hiệu thương mại hàng hóa không? 1. Có 2. Không ☒

19. Năm 2025, HTX có áp dụng công trình quy nhỏ thích ứng với BĐKH không (như ao, hồ chứa nước; bờ bao, đê kè,...) 1. Có ☒ 2. Không ☐

E3. HTX tham gia chuỗi giá trị

1. Năm 2025, HTX có hợp đồng gia công (nuôi, trồng) cho doanh nghiệp hoặc đơn vị nào không? 1. Có ☒ 2. Không ☐

2. Năm 2025, HTX có hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, đối tác thu mua sản phẩm không? 1. Có ☒ 2. Không ☐

3. Liên kết sản xuất, tiêu thụ áp dụng với sản xuất nào? (chọn 1 câu trả lời)

1. ☒ Chỉ với sản xuất chung của HTX

2. ☒ Chỉ với sản xuất của thành viên

3. ☒ Cả sản xuất chung của HTX và sản xuất của thành viên

4. Nếu có liên kết thì có bao nhiêu thành viên HTX tham gia: 150 thành viên

(trong trường hợp HTX chỉ có sản xuất chung và có liên kết thì ghi số thành viên của HTX)

5. Tỷ lệ sản phẩm của HTX tham gia liên kết (tính cả sản xuất chung và của TV): 10 %

6. Năm 2025, HTX có tổ chức chuỗi giá trị khép kín riêng của HTX từ sản xuất đến phân phối không (ví dụ, HTX mua cà phê của thành viên, chế biến, rồi thương mại sản phẩm).

1. Có ☐

2. Không ☒

7. Nếu "Có" ở câu 6 thì bao nhiêu % sản lượng của HTX được tiêu thụ qua chuỗi giá trị khép kín riêng của HTX?.....

F. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

#	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của HTX trong 1 năm (chỉ tính cho bán hàng và dịch vụ, không tính thu nhập ở dòng 4)	Triệu đồng	3.222,52
2	Trong đó: doanh thu từ giao dịch với thành viên	Triệu đồng	2.972,8
3	Trong đó: doanh thu từ hoạt động liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp	Triệu đồng	249,72
4	Các thu nhập khác của HTX như lãi gửi ngân hàng, bán thanh lý tài sản, nhà nước hỗ trợ, được chia lãi từ vốn góp vào doanh nghiệp,... (không tính doanh thu ở dòng 1)	Triệu đồng	983,72
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	27,85
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	27,85
7	Tổng lợi nhuận trích lập các quỹ	Triệu đồng	
	Trong đó, chia ra		
	1. Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	6,6
	2. Quỹ dự phòng tài chính	Triệu đồng	
	3. Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	3,3
	4. Quỹ khác	Triệu đồng	
8	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên	Triệu đồng	23,26
	Trong đó, chia ra		
	1. Lợi nhuận chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	Triệu đồng	
	2. Lợi nhuận chia cho thành viên theo vốn góp	Triệu đồng	
	3. Lợi nhuận chia theo hình thức khác (ghi rõ hình thức)	Triệu đồng	
8	Tổng quỹ tiền lương chi trả (bao gồm cả tiền đóng bảo hiểm các loại)	Triệu đồng	259,5

#	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025
9	HTX có ưu đãi cho thành viên về giá dịch vụ, sản phẩm cung cấp không (giá thấp hơn)	1. Có 2. Không	1
10	HTX có ưu đãi cho thành viên về việc mua sản phẩm của thành viên (mua với giá cao hơn giá thị trường hoặc ưu tiên mua sản phẩm)	1. Có 2. Không	1
11	Kết quả tự xếp loại HTX năm 2025 1. Tốt ; 2. Khá ; 3. Trung bình; 4. Yếu; 5. Không xếp loại	xxxx	2

G. HỖ TRỢ HTX NHẬN ĐƯỢC

3. Năm 2025, HTX nhận được những hỗ trợ gì (từ nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp,...) và mức độ được hỗ trợ (số tiền, số lần, lượt người,...) như thế nào?

#	Thông tin thu thập	Tích X nếu được hỗ trợ	Nếu được hỗ trợ thì mức độ hỗ trợ như thế nào?	
			Đơn vị	Số lượng
10	Hỗ trợ thành lập mới, trụ sở HTX, máy móc phục vụ quản lý HTX			
11	HTX nhận được để hỗ trợ thành lập mới		Triệu đồng	
12	HTX được cho hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc		Triệu đồng	
13	HTX được hỗ trợ máy móc, công cụ phục vụ quản lý HTX (máy tính, máy in, phần mềm,...)		Triệu đồng	
20	Hỗ trợ nâng cao năng lực cán bộ và thành viên			
21	Cán bộ HTX được bồi dưỡng, tập huấn (về quản lý, kỹ thuật, ...)	X	Lượt người	20
22	Cán bộ HTX được hỗ trợ tham gia đào tạo nghề quản lý HTX		Lượt người	10
23	Thành viên HTX được bồi dưỡng, tập huấn	X	Lượt người	120
24	Cán bộ HTX được hỗ trợ trả lương		Người	
30	Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ			
31	HTX nhận được cho hỗ trợ áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận (GAP)		Triệu đồng	
31	HTX nhận được cho hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao		Triệu đồng	
32	HTX nhận được cho ứng dụng KHCN, kỹ thuật và công nghệ khác (khác GAP, công nghệ cao)		Triệu đồng	
40	Hỗ trợ đối phó, thích ứng rủi ro			
41	Thành viên HTX (gồm cả cán bộ quản lý) được tập huấn, bồi dưỡng về thích ứng với BĐKH, phòng chống thiên tai, dịch bệnh		Lượt người	1
42	HTX được hỗ trợ tham gia bảo hiểm nông		Triệu đồng	

#	Thông tin thu thập	Tích X nếu được hỗ trợ	Nếu được hỗ trợ thì mức độ hỗ trợ như thế nào?	
			Đơn vị	Số lượng
	nghiệp			
43	HTX được hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh	X	Triệu đồng	60
50	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng máy móc phục vụ SXKD			
51	HTX được tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế xã hội		xxxxxx	xxxxxxxxxxxxxx
52	HTX được cho việc hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp (đường giao thông nội đồng, công trình thủy nông)		Triệu đồng	
53	HTX nhận được cho việc hỗ trợ đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp (máy làm đất, máy cấy, máy xục khí,...)		Triệu đồng	
54	HTX nhận được hỗ trợ đầu tư phát triển hoạt động sơ chế, chế biến sản phẩm (nhà kho, máy móc, thiết bị, công nghệ)		Triệu đồng	
55	HTX nhận được hỗ trợ đầu tư phát triển hoạt động thương mại sản phẩm (cửa hàng kinh doanh, máy móc thiết bị phục vụ kinh doanh sản phẩm)		Triệu đồng	
60	Ưu đãi, hỗ trợ tín dụng			
61	HTX được vay từ Quỹ phát triển HTX		Triệu đồng	
62	HTX được vay ưu đãi từ các tổ chức tín dụng thương mại		Triệu đồng	
63	HTX được hỗ trợ lãi xuất tín dụng HTX		Triệu đồng	
70	Hỗ trợ liên kết, phát triển thương hiệu			
71	HTX có được hỗ trợ xây dựng dự án, phương án liên kết chuỗi giá trị		Triệu đồng	
72	HTX được hỗ trợ xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm		Triệu đồng	
73	HTX được hỗ trợ đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận			
74	HTX được hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP			
75	HTX được hỗ trợ xây dựng công cụ thúc đẩy thương hiệu và thương mại sản phẩm HTX (logo, tem nhãn sản phẩm, trang web)			
76	Số lần HTX được hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại			
80	Hỗ trợ về đất đai			

#	Thông tin thu thập	Tích X nếu được hỗ trợ	Nếu được hỗ trợ thì mức độ hỗ trợ như thế nào?	
			Đơn vị	Số lượng
81	HTX được nhà nước giao đất sản xuất nông lâm thủy sản		Hà	
82	HTX được nhà nước cho thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh	X	Hà	0,3974,4
83	HTX được miễn, giảm tiền thuê đất (44 năm, 6 tháng, 26 ngày)	X	Triệu đồng	247,52